

Bản án số: **323/2022/HSPT**

Ngày: 15/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 272/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Lê Văn N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HSST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Văn N (tên gọi khác: Tí). Sinh năm 1984 tại C1, Gia Lai. Nơi cư trú: thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn L, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955. Vợ là Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1987. Bị cáo có 06 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh tháng 02 năm 2022. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị truy nã, bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N:** Ông Ngô Đức N - Luật sư Văn phòng Luật sư Ngô Đức N - Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Lệ H, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 9/2015 đến tháng 01/2016, vợ chồng Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H, trú tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai đã dùng thủ đoạn gian dối là giả chữ ký của anh Lê Văn D (anh ruột của Lê Văn N) và chị Phan Thị Th (là vợ anh Lê Văn D) để làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 551,9m² đất tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai từ vợ chồng anh D sang vợ chồng N và H. Sau đó, H làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là Giấy CNQSDĐ). Ngày 07/12/2015, vợ chồng H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy CNQSDĐ số CC 624425, thửa đất số 103, tờ bản đồ số 49 đối với diện tích đất trên. Đồng thời, vợ chồng Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H đã đưa ra những thông tin không có thật là vợ chồng H có diện tích đất 32.673m² tại thôn P, xã I để làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ. Đến ngày 24/6/2016, vợ chồng H được UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ đất số CĐ 608815, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ03-2016, diện tích 32.673m². Sau khi có được 02 (hai) Giấy CNQSDĐ trên vợ chồng Lê Văn N - Nguyễn Thị Lệ H đã đem thế chấp để vay số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) tại Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Gia Lai lấy tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân, rồi bỏ trốn đến nay mất khả năng thanh toán

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H như sau:

1/ Đối với thửa đất số 103, tờ bản đồ số 49, diện tích 551,9m² theo Giấy CNQSDĐ số CC 624425 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/12/2015 cho Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H:

Vào năm 2001, vợ chồng anh Lê Văn D và chị Phan Thị Th được bố mẹ là ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị H cho thửa đất có diện tích là 1.409m² tại thôn P xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Ngày 13/01/2001, vợ chồng anh D được UBND huyện C1 cấp Giấy CNQSDĐ đất số T028458, thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49, diện tích 1.409m². Năm 2015, do các em không có đất để ở nên vợ chồng anh D đã cho các em xây dựng nhà trên diện tích đất trên, trong đó có vợ chồng Lê Văn N, Lê Văn H2 (em ruột D và N). Sau khi làm nhà, vợ chồng N nhiều lần xin vợ chồng anh D làm thủ tục tách thửa đối với diện tích đất mà vợ chồng H đang sử dụng nhưng vợ chồng anh D không đồng ý. Năm 2015, do bị mất Trích lục

thửa đất số 15, tờ bản đồ số 49 diện tích 1.409m² nên anh D nhờ H làm thủ tục xin cấp lại Trích lục thửa đất trên.

Do cần tiền để trả nợ ngày 30/9/2015, Nguyễn Thị Lệ H đã sử dụng Giấy CNQSD đất số T028458, CMND của anh D và chị Th (đưa cho H khi nhờ H đi làm thủ tục xin cấp lại Trích lục thửa đất) để làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 551,9m² trong tổng diện tích 1409m² tại thôn P xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai của vợ chồng anh D sang cho vợ chồng H bằng cách: Theo lời khai của H, H thuê người đàn ông tên Khương (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) ký giả chữ ký của vợ chồng anh D, chị Th vào mục “Bên chuyển nhượng” với số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), vợ chồng H ký tên vào mục “Người nhận chuyển nhượng”. Sau khi được UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai ký chứng thực vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Nguyễn Thị Lệ H đã làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp Giấy CNQSDĐ số CC624425 ngày 07/12/2015, thửa đất số 103, tờ bản đồ số 49, diện tích 551,9m².

Ngày 23/11/2016, Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H ký hợp đồng tín dụng số K7483/HĐTC với Ngân hàng TMCP Đông Á Chi nhánh tỉnh Gia Lai (bên nhận thế chấp) thế chấp quyền sử dụng đất là Giấy CNQSDĐ số CC624425 vay Ngân hàng số tiền là 1.420.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi triệu đồng).

2/ Đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ03- 2016, diện tích 32.673m² theo Giấy CNQSD đất số CĐ 608815 do UBND huyện C cấp ngày 24/6/2016 cho Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H:

Vào tháng 3/2016, do cần tiền để trả nợ, thông qua mối quan hệ quen biết với Trần Ngọc Tr (sinh năm 1985, trú tại thôn HB, thị trấn N1, C là nhân viên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C) Nguyễn Thị Lệ H đặt vấn đề nhờ Tr làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho vợ chồng H- N làm thủ tục thế chấp tài sản vay tiền Ngân hàng. Trần Ngọc Tr đồng ý. H dẫn Tr đến vị trí thửa đất tại thôn P, xã I, huyện C để Tr đo đạc vị trí, ranh giới, mốc giới thửa đất và lập Trích lục trích đo địa chính đối với thửa đất này. Sau đó, Tr soạn Đơn đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, ký tên Lê Văn N và làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ giúp cho H. Ngày 24/6/2015, vợ chồng H được UBND huyện C cấp Giấy CNQSDĐ số CĐ 608815, thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ03 - 2016, diện tích 32.673m²

Quá trình điều tra, H khai đã đưa cho Tr số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để Tr đứng ra làm toàn bộ hồ sơ thủ tục xin cấp Giấy CNQSDĐ. H dẫn Tr đi đo đất và nói cho Tr biết vợ chồng H không có diện tích 32.673m² đất tại thôn P, xã I, huyện C. Trần Ngọc Tr khai: Khi nhận hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất của Nguyễn Thị Lệ H, thì H dẫn Tr đến vị trí thửa đất, Tr

đo đạc diện tích, vẽ lập Trích lục trích đo địa chính thửa đất và đã giúp H hoàn thành các thủ tục để được cấp Giấy CNQSDĐ số CD 608815 ngày 24/6/2015. Do quen biết nên Tr làm giúp cho H mà không hưởng lợi ích vật chất gì. Tr không biết thửa đất mà H chỉ cho Tr đã được cấp giấy CNQSDĐ. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Tr và H đối chất, kết quả các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình

Ngày 23/11/2016, Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H ký hợp đồng tín dụng số K7483/HĐTC với Ngân hàng TMCP Đông Á Chi nhánh tỉnh Gia Lai (bên nhận thế chấp) thế chấp quyền sử dụng đất là Giấy CNQSDĐ số CD 608815 để vay Ngân hàng số tiền 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng).

Sau khi có số tiền 2.000.0000.000 đồng vay từ Ngân hàng, vợ chồng H đã chiếm đoạt bằng cách trả nợ tiền vay cho Nguyễn Văn T1 (sinh năm 1985, trú tại TDP 8, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai) với số tiền là 1.500.000.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng H trả lãi cho anh T1 (không nhớ cụ thể) và tiêu xài cá nhân hết.

Đến tháng 03/2017, Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H bỏ đi khỏi địa phương.

Ngày 07/9/2017, Ngân hàng TMCP Đông Á khởi kiện vợ chồng Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H đến Tòa án nhân dân huyện C để xử lý tài sản thu hồi nợ.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/ST-KDTM ngày 02/4/2018, Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên buộc Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H phải hoàn trả cho ngân hàng TMCP Đông Á số tiền 2.000.000.000 đồng tiền gốc; 86.361.111 đồng lãi trong hạn và 88.541.167 đồng lãi quá hạn, tổng cộng là 2.174.902.778 đồng.

Sau khi, bản án có hiệu lực Chi cục Thi hành án dân sự huyện C bán đấu giá quyền sử dụng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 49, diện tích 551,9m² theo Giấy CNQSDĐ số CC 624425 và tiến hành bàn giao thửa đất trên cho bà Lê Thị H (người trúng đấu giá) thì vợ chồng anh Lê Văn D, chị Phan Thị Th mới biết sự việc Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H giả mạo chữ ký để làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ vợ chồng anh D sang vợ chồng H. Còn diện tích đất 32.673m² theo Giấy CNQSDĐ số CD 608815, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xác minh, đo đạc thì phát hiện diện tích đất này đã được cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Hai trú tại thị trấn P, xã I, huyện C. Vợ chồng Lê Văn N không có thửa đất nào có diện tích như trên.

Ngày 09/9/2019, anh Lê Văn D đã làm Đơn tố giác Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H đến Cơ quan Công an đề nghị điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/8/2020, Ngân hàng TMCP Đông Á có Đơn đề nghị Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Gia Lai xem xét giải quyết vụ việc theo quy định của Pháp luật để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng trong việc xử lý thu hồi nợ.

- Cơ quan CSĐT- Công an huyện C đã ra Quyết định trưng cầu số 100 ngày 27/9/2019 giám định chữ viết, chữ ký tên Lê Văn D, Phan Thị Thuý; Lê Văn N, Nguyễn Thị Lệ H trong hợp đồng chứng thực chuyển nhượng Quyền sử dụng đất số 48 do UBND xã I chứng thực ngày 30/9/2015 đối với thửa đất số 103, tờ bản đồ số 49, diện tích 551,9m² theo Giấy CNQSDĐ số CC 624425.

Tại Kết luận giám định số 602/KLGĐ ngày 17/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Gia Lai đã có kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Văn D, Phan Thị Thuý trong hợp đồng chứng thực chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 48 ngày 30/ 9/2015 do UBND xã I chứng thực ***không phải là chữ viết, chữ ký do Lê Văn D, Phan Thị Thuý viết, ký***

- Cơ quan CSĐT- Công an huyện C đã ra Quyết định trưng cầu số 130 ngày 18/12/2019 giám định phôi, chữ ký, con dấu trên Giấy CNQSDĐ số CC 624425 do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/12/2015 và giấy CNQSD đất số CĐ 608815 do UBND huyện C cấp ngày 24/6/2016 cho Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H là thật hay giả.

Tại Kết luận giám định số 60/KLGĐ ngày 06/01/2020 của phòng KTHS- Công an tỉnh Gia Lai: Phôi của 02 giấy CNQSD đất trên là thật, con dấu của sở Tài nguyên môi trường tỉnh Gia Lai, UBND huyện C đóng trên 02 (hai) Giấy CNQSDĐ trên ***là thật***, chữ ký của ông “Trần Xuân H2” (Phó Giám đốc Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Gia Lai) và chữ ký của ông “Lưu Trung N2” (Chủ tịch UBND huyện C) trên 02 (hai) Giấy CNQSDĐ trên ***là thật***.

- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Gia Lai có Quyết định trưng cầu giám định số 193/CSHS ngày 04/11/2020, trưng cầu Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai để giám định dấu vết đường vân in trên hợp đồng thế chấp bất động sản số K7483/HĐTC ngày 23/11/2016 đứng tên Lê Văn N, Nguyễn Thị Lệ H (bên thế chấp) và Ngân hàng TMCP Đông Á Chi nhánh tỉnh Gia Lai (bên nhận thế chấp).

Tại Kết luận giám định số 778/KLGĐ ngày 09/11/2020 kết luận dấu vân tay đứng tên Lê Văn N - Nguyễn Thị Lệ H in trên hợp đồng thế chấp bất động sản số K7483/HĐTC ngày 23/11/2016 với dấu vân tay in trên tờ khai chứng minh nhân dân ghi tên Lê Văn N - Nguyễn Thị Lệ H ***là dấu vân tay do cùng một người in ra***

- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Gia Lai có Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 06/CSHS ngày 04/11/2020, trưng cầu Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai để giám định chữ viết chữ ký đứng tên Lê Văn N trong hồ sơ đề

ngهی cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số TĐ03- 2016, diện tích 32.673m² (thửa đất không).

Tại Kết luận giám định số 798/KLGD ngày 25/11/2020 kết luận: Chữ viết họ tên “Lê Văn N” dưới mục “Người viết đơn”, “Người nộp thuế”... là do **Trần Ngọc Tr viết, ký**.

Ngày 16/11/2020, Lê Văn N và Nguyễn Thị Lê H, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai khởi tố điều tra về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đồng thời ra Quyết định truy nã bị can. Ngày 03/6/2021, N và H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cờ Đỏ bắt theo Quyết định truy nã.

Quá trình điều tra đã thu giữ một số tài liệu sau:

- 01 (một) Sổ hộ khẩu số 210217983 đứng tên Phạm Tú Thiệu; 01 (một) CMND số 230926083 tên Phạm Tú Thiệu .

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 21022147 đứng tên Lê Văn N

- 01 (một) sổ tạm trú số 142060112 của Lê Văn N.

- 01 (một) tờ giấy sang nhượng đất viết tay đề ngày 13/9/2000

- 01 (một) tờ giấy sang nhượng đất rẫy viết tay đề ngày 12/5/2000 và ngày 26/5/2000 đứng tên Ngô Xuân Trường

- 01 (một) tờ giấy viết tay bán đất ở của ông Nguyễn Văn Lực không đề ngày

- 01 (một) tờ giấy nợ tiền đặc cọc viết tay đề ngày 28/9/2017 đứng tên Huỳnh Đạo.

- 01 (một) tờ giấy đặc cọc tiền đất viết tay đề ngày 18/3/2016 thể hiện nội dung chị Hoài nợ tiền cọc 80.000.000đ

- Bản phô tô Giấy CNQSD tên Dương Thị Soi; tên Tôn Thất Hiền, Lê Văn D

- 01 Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy CNQSD đất của ông Lê Văn D, kèm trích lục đứng tên Lê Văn D đề ngày 27/12/2016.

-01 Quyết định XPVPHC trong lĩnh vực đất đai của UBND xã I ngày 30/11/2016 và 01 biên lai thu phạt tiền số 0009963.

- 01 trích lục thửa đất cấp cấp lại do bị mất lần 1 của ông Lê Văn D đề ngày 18/11/2015.

- Bản phô tô CMND của anh Lê Văn D và Phan Thị Th.

Các tài liệu trên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

* Đối với Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2018/ST-KDTM ngày 02/4/2018, Toà án nhân dân huyện C: Ngày 08/9/2021, Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã Quyết định số 12/2021/KDTM-TT, tuyên huỷ bản án trên.

Ngày 02/11/2021, Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 01/2021/QĐ-ST KDTM đối với vụ án kinh doanh thương mại trên.

*** Về phần dân sự:**

Ngân hàng TMCP Đông Á yêu cầu Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H hoàn trả số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) tiền gốc và 1.246.611.111 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm mười một nghìn một trăm mười một đồng) tiền lãi suất.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HSST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N **14** (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/5/2022, bị cáo Lê Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt như đơn kháng cáo ngày 31/5/2022.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Về nội dung: Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và xử phạt 14 năm tù là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có cơ sở giảm hình phạt cho bị cáo.

Luật sư Ngô Đức N bào chữa cho bị cáo N có ý kiến: mức án Tòa cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo N là quá nghiêm khắc. Bị cáo nhân thân tốt, cả hai vợ chồng đều đi tù sẽ ảnh hưởng đến 06 người con còn nhỏ, vì vậy đề nghị HĐXX giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, xét thấy lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nên đã có đủ căn cứ xác định: Từ tháng 9/2015 đến tháng 01/2016, vợ chồng Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H đã có hành vi giả chữ ký của vợ chồng anh ruột N là Lê Văn D và vợ là Phan Thị Th để được quyền sử dụng 551,9m² đất và khai báo gian dối để được UBND huyện C cấp 32.637m² đất rồi thế chấp cho Ngân hàng vay 2.000.000.000đ tiêu xài cá nhân. Với hành vi và hậu quả nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HSST ngày 24/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quy kết các bị cáo Lê Văn N và Nguyễn Thị Lệ H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt mỗi bị cáo 14 năm tù và buộc các bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á - Chi nhánh Gia Lai là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn N xin giảm nhẹ hình phạt, HĐXX thấy rằng: Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, lừa đảo chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000đ trở lên thì bị xử phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Bị cáo N chiếm đoạt số tiền gấp 4 lần, quá trình điều tra xét xử các bị cáo chưa bồi thường được khoản nào cho bị hại; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ là “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” xử phạt bị cáo mức hình phạt 14 năm tù là đã thỏa đáng. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bị cáo và luật sư có nêu ra một tình tiết giảm nhẹ, nhưng những tình tiết đó đã được cấp sơ thẩm áp dụng. Xét thấy, bị cáo N có hành vi phạm tội đối với nhiều trường hợp, số tiền chiếm đoạt lớn, nhưng chưa khắc phục bồi thường, tài sản thuộc sở hữu toàn dân (32.000m² đất), bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã; nên không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo N không được chấp nhận, nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn N về việc xin được giảm nhẹ hình phạt; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HSST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N **14** (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2021.

2/ Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/8/2022).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường